

Bản án số: 52/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29-9-2020

*“V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thanh Nguyên

2. Bà Nguyễn Ngọc Duyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Sang- Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thủy- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 97/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Văn Thị Cẩm L, sinh năm 1984 (có mặt);

HKTT: ấp XD2, xã Đ1, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: ấp NC, xã Đ1, huyện AB, Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1981 (có mặt);

Địa chỉ: ấp XD2, xã Đ1, huyện AB, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 24/3/2020 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Văn Thị Cẩm L trình bày và yêu cầu như sau:*

Chị và anh Nguyễn Văn Đ chung sống với nhau vào năm 2003, đến năm 2011 có đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ1 cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 29/6/2011. Chị và anh Nguyễn Văn Đ có 02 con chung tên Nguyễn Văn Đăng K, sinh ngày 21/5/2004 và Nguyễn Văn Minh Kh, sinh ngày 06/6/2006; về tài sản chung, chị và anh Nguyễn Văn Đ tự thỏa thuận; về nợ, chị xác định không có nợ người khác, người khác không nợ anh chị. Quá trình chung sống chúng chị chung sống với anh Nguyễn Văn Đ không hòa hợp, thường xuyên cự cãi với nhau, lý do anh Đ thường xuyên đi uống rượu, không quan tâm vợ con, chi ly tính toán tiền bạc và quản lý tiền bạc trong gia đình nên chị và anh Đ đã ly thân hơn 01 năm nay, chị thấy tình cảm giữa chị và anh Đ không thể chung sống với nhau được. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Về quan hệ hôn nhân, chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ. Về quan hệ con chung, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng 02 người con chung, chị không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, chị và anh Đ tự thỏa thuận, chị không yêu cầu giải quyết. Về nợ, chị xác định, chị và anh Đ có nợ ông Nguyễn Văn Ú, bà Trần Thị Tuyết H, địa chỉ: ấp XD1, xã Đ1, huyện AB, tỉnh Kiên Giang và nợ chị Nguyễn Thị H, địa chỉ: ấp XD2, xã Đ1, huyện AB, tỉnh Kiên Giang nhưng không nhớ chính xác là bao nhiêu, để chị và anh Đ, ông Ú, bà H, chị H tự thỏa thuận, chị không yêu cầu giải quyết, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày như sau:*

Về thời gian chung sống, kết hôn, con chung như chị Văn Thị Cẩm L trình bày trên là đúng. Anh và chị L cưới nhau vào năm 2003 và đi đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Đ1. Trong thời gian chung sống anh và chị L có 02 đứa con chung tên Nguyễn Văn Đăng K, sinh ngày 21/5/2004 và Nguyễn Văn Minh Kh, sinh ngày 06/6/2006 hiện đang sống chung với gia đình; về tài sản chung và nợ, vợ chồng có tài sản chung và nợ ông Ú, bà H, chị H nhưng để tự thỏa thuận. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau do công việc trong gia đình, làm ăn kinh tế, thời gian kéo dài không dung hòa với nhau được, mâu thuẫn cũng được gia đình động viên hàn gắn nhưng đến nay cũng không có kết quả nhưng anh thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng không đáng phải ly hôn, anh hứa sẽ không làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng nữa. Nay về quan hệ hôn nhân, anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Văn Thị Cẩm L. Về quan hệ con chung, theo nguyện vọng của các con muốn chung sống với vợ hoặc chồng thì người đó chăm sóc, nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi

con. Về tài sản chung, anh và chị L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, anh chị có nợ ông Nguyễn Văn Ú và bà Trần Thị Tuyết H, địa chỉ: ấp XD1, xã Đ1, huyện AB, tỉnh Kiên Giang khoảng 140.000.000 đồng và 35 chỉ vàng 24k, và nợ chị Nguyễn Thị H, địa chỉ: ấp XD2, xã Đ1, huyện AB, tỉnh Kiên Giang khoảng 30.000.000 đồng, để tự thỏa thuận anh không yêu cầu giải quyết.

** Tại bản trình bày nguyện vọng ngày 20/5/2020, Nguyễn Văn Đăng K trình bày:*

Từ khi cha là Nguyễn Văn Đ và mẹ là Văn Thị Cẩm L không chung sống với nhau thì Nguyễn Văn Đăng K chung sống với mẹ là Văn Thị Cẩm L tại ấp NC, xã Đ1, huyện AB, tỉnh Kiên Giang. Nếu mẹ và cha ly hôn thì Nguyễn Văn Đăng K có nguyện vọng chung sống với mẹ là Văn Thị Cẩm L.

** Tại bản trình bày nguyện vọng ngày 20/5/2020, Nguyễn Văn Minh Kh trình bày:*

Từ khi cha là Nguyễn Văn Đ và mẹ là Văn Thị Cẩm L không chung sống với nhau thì Nguyễn Văn Minh Kh chung sống với mẹ là Văn Thị Cẩm L tại ấp NC, xã Đ1, huyện AB, tỉnh Kiên Giang. Nếu mẹ và cha ly hôn thì Nguyễn Văn Minh Kh có nguyện vọng chung sống với mẹ là Văn Thị Cẩm L.

** Tại biên bản xác minh ngày 18 tháng 02 năm 2020, về nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân:*

Thời gian anh Đ và chị L chung sống với nhau có phát sinh mâu thuẫn, anh Đ thường xuyên đi nhận, cự cãi với chị L, kinh tế gia đình thì giảm sút nên chị L sống ly thân với anh Đ đến nay.

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm:* Giấy chứng minh dân tên Văn Thị Cẩm L, Sổ hộ khẩu, Giấy chứng nhận kết hôn Nguyễn Văn Đ và Văn Thị Cẩm L, Giấy khai sinh tên Nguyễn Văn Đăng K, Giấy khai sinh tên Nguyễn Văn Minh Kh, Đơn xin xác nhận tình trạng cư trú của đương sự ngày 24/3/2020, Trích lục kết hôn, Bản trình bày nguyện vọng ngày 20/5/2020 của Nguyễn Văn Đăng K, Bản trình bày nguyện vọng ngày 20/5/2020 của Nguyễn Văn Minh Kh, Biên bản xác minh ngày 06/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, Biên bản lấy lời khai của ông Nguyễn Văn Ú, bà Trần Thị Tuyết H và chị Nguyễn Thị H ngày 03/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

** Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn chị Văn Thị Cẩm L yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ. Về quan hệ con chung, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng 02 người con chung, chị không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, chị và anh Đ tự thỏa thuận, chị không yêu cầu giải quyết. Về nợ, chị xác định có nợ ông Ú, bà H và chị H, để chị và anh Đ, ông Ú, bà H, chị H tự thỏa thuận, chị không yêu cầu giải quyết, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện các thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, xác định mối quan hệ pháp luật, đưa tư cách đương sự tham gia tố tụng, về thu thập tài liệu, chứng cứ chứng minh, tổng đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát đúng trình tự thủ tục và thời gian quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 48, Điều 51, Điều 68, các Điều 208, 209, 210, 211, 239 và Điều 247 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Chị Văn Thị Cẩm L và anh Nguyễn Văn Đ chung sống với nhau vào năm 2003, có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, chị Văn Thị Cẩm L yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; về quan hệ con chung, anh chị có được 02 người con chung, khi ly hôn chị L yêu cầu được nuôi dưỡng, không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con, anh Đ thì theo nguyện vọng của các con muốn chung sống với vợ hoặc chồng thì người đó chăm sóc, nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử giao các con chung của anh chị tên Nguyễn Văn Đăng K, sinh ngày 21/5/2004 và Nguyễn Văn Minh Kh, sinh ngày 06/6/2006 cho chị L nuôi dưỡng theo nguyện vọng các con của anh chị; về cấp dưỡng nuôi con, chị L và anh Đ không yêu cầu giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; về tài sản chung và nợ chị L và anh Đ, ông Ú, bà H, chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Văn Thị Cẩm L yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ và tranh chấp về nuôi con. Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ, cư trú tại: ấp XD2, xã Đ1, huyện AB, tỉnh Kiên Giang nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi hòa giải không thành, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Đ nhưng anh Đ vẫn cố tình vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Đồng thời, tại phiên tòa lần thứ hai chị L không yêu cầu hoãn phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Đ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân, chị Văn Thị Cẩm L và anh Nguyễn Văn Đ chung sống với nhau vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (*Ủy ban nhân dân xã Đ1, huyện AB, tỉnh Kiên Giang là nơi cư trú của anh chị*) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 102/2011, quyển số: 01/2011, ngày 29 tháng 6 năm 2011, anh chị đảm bảo các điều kiện kết hôn khác theo quy định của pháp luật là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nay là Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của chị Văn Thị Cẩm L được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ, thời gian anh chị chung sống không hòa hợp, anh Đ thường xuyên đi uống rượu, không quan tâm vợ con, chi ly tính toán tiền bạc và quản lý tiền bạc trong gia đình nên chị và anh Đ đã ly thân hơn 01 năm nay; anh Đ không muốn ly hôn với chị L vì anh chị thường xuyên cự cãi với nhau công việc trong gia đình, làm ăn kinh tế không đáng phải ly hôn, anh hứa sẽ không làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng nữa. Hội đồng xét xử thấy rằng, chị L và anh Đ phát sinh mâu thuẫn ly thân với nhau một thời gian dài, cho đến nay anh chị không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, hôn nhân đã lâm vào trầm trọng. Đồng thời, khi anh chị phát sinh mâu thuẫn đến nay cũng được gia đình động viên và hàn gắn nhưng không hòa hợp với nhau được, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay Tòa án hòa giải đoàn

tự nhưng không thành, chị L cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh Đ là hôn nhân không còn sự tự nguyện, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận đề nghị Kiểm sát viên và yêu cầu khởi kiện của chị L, cho chị Văn Thị Cẩm L được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung, chị Văn Thị Cẩm L và anh Nguyễn Văn Đ có 02 người con chung tên Nguyễn Văn Đăng K, sinh ngày 21/5/2004 và Nguyễn Văn Minh Kh, sinh ngày 06/6/2006. Khi ly hôn chị L yêu cầu được nuôi dưỡng các con chung; anh Đ thì theo nguyện vọng của các con chung sống với ai thì người đó nuôi dưỡng. Các con của anh chị khi anh chị ly hôn có nguyện vọng chung sống với mẹ là chị L. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, yêu cầu của chị L và nguyện vọng các con của anh chị, giao các con chung của anh chị tên Nguyễn Văn Đăng K, sinh ngày 21/5/2004 và Nguyễn Văn Minh Kh, sinh ngày 06/6/2006 cho chị Văn Thị Cẩm L nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị L không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ, chị Văn Thị Cẩm L và anh Nguyễn Văn Đ tự xác định không tranh chấp và không yêu cầu phân chia tài sản chung. Chị Văn Thị Cẩm L, anh Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn Ú, bà Trần Thị Tuyết H và chị Nguyễn Thị H không yêu cầu giải quyết nợ nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu nhưng được trừ vào số tiền đã tạm ứng án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Văn Thị Cẩm L được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về quan hệ con chung: Giao các con chung của anh chị tên Nguyễn Văn Đăng K, sinh ngày 21/5/2004 và Nguyễn Văn Minh Kh, sinh ngày 06/6/2006 cho chị Văn Thị Cẩm L nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được, theo nguyện vọng các con của anh chị.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ: Chị Văn Thị Cẩm L và anh Nguyễn Văn Đ tự xác định không tranh chấp và không yêu cầu phân chia tài sản chung. Chị Văn Thị Cẩm L, anh Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn Ú, bà Trần Thị Tuyết H và chị Nguyễn Thị H không yêu cầu giải quyết nợ nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

5. Về án phí: Buộc chị Văn Thị Cẩm L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0008577 ngày 20 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Chị Văn Thị Cẩm L đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

6. Báo quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 29/9/2020. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- UBND xã Đ1, huyện AB, tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP (Sang).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Thảo